

Bản án số: 145/2023/DS-PT
Ngày: 16-10-2023
V/v trách nhiệm bồi thường của
nhà nước trong hoạt động quản lý
hành chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Nguyễn Lê Phương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thu Vân là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Phương Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023, về việc: “*Trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 117/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Anh T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số C thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Trường D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B; Địa chỉ: Chi nhánh T2, khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- **Bị đơn:** Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong

Địa chỉ: Khu phố Xuân An 2, thị trấn Chợ Lầu, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đăng N - Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực B - T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần H - Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực B - T.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Tạ Văn L – Phó Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực B - T.

+ Ông Trần Văn Â – Cán bộ Chi cục Thuế khu vực B - T.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Lê Anh T.

Tại phiên tòa, có mặt đầy đủ những người được triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Anh T trình bày:

Vào năm 2001, ông được cấp giấy phép và kinh doanh ổn định 03 ngành nghề là gia công mộc dân dụng, ăn uống giải khát và karaoke với mức thuế môn bài bậc 2 là 750.000 đồng/năm, thuế tháng là 210.000 đồng/tháng. Năm 2014, ông Lê Anh T nghỉ 02 nghề ăn uống giải khát và karaoke, chỉ còn nghề gia công mộc dân dụng. Ông Lê Anh T xin giảm thuế nhưng không được chấp nhận. Chi cục thuế huyện B buộc ông phải nộp mức thuế như cũ. Chi cục thuế khu vực B – Tuy Phong quy ông nợ thuế là 1.722.000 đồng theo Thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp số 201415892/TB07-CCT ngày 15/09/2014 của Chi cục Thuế khu vực B – T. Sau đó, Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong ra Quyết định cưỡng chế số 1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên.

Ông T khiếu nại Quyết định cưỡng chế số 1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014 của Chi cục Thuế khu vực B – T. Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong ban hành Quyết định số 663/QĐ-CCT ngày 29/04/2016 về việc hủy Quyết định cưỡng chế số 1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên.

Sau khi nhận được Quyết định số 663/QĐ-CCT ngày 29/04/2016 của Chi cục Thuế khu vực B – T, ông Lê Anh T cho rằng việc Chi cục Thuế khu vực B cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên gây thiệt hại cho ông nên ông khởi kiện yêu cầu Chi cục Thuế khu vực B - Tuy Phong phải bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho ông Lê Anh T số tiền 4.481.760.000 đồng (Bốn tỉ bốn trăm tám mươi một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) bao gồm các khoản sau:

1. Thu nhập cơ sở gia công: 20.000.000 đồng/tháng x 96 tháng – 18.400.000 đồng = 1.901.600.000 đồng (Một tỉ chín trăm lẻ một triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Thu nhập cá nhân: 12.000.000 đồng/tháng x 96 tháng = 1.152.000.000 đồng (Một tỉ một trăm năm mươi hai triệu đồng).

3. Tồn thất tinh thần: 1.490.000 đồng/tháng x 60 tháng = 89.400.000 đồng (T1 mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng).

4. Cấp dưỡng phụ thuộc: 1.490.000 đồng x 96 tháng x 4 người = 572.160.000 đồng (Năm trăm bảy mươi hai triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

5. Khôi phục sản xuất: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

6. Chi phí thừa kiện: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)

7. Bồi thường cho bà mẹ Việt Nam Anh Hùng: 10.000.000 đồng/tháng x 30 tháng = 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng)

8. Tiền lãi ngân hàng từ ngày 26/01/2016 đến 26/01/2023 là: 100.000.000 đồng x 0,009% x 74 tháng = 66.600.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)

Tại phiên tòa nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, không buộc bị đơn phải bồi thường tổn thất tinh thần, cấp dưỡng phụ thuộc, bồi thường cho bà mẹ Việt Nam A, tiền lãi ngân hàng. Ông Lê Anh T chỉ yêu cầu Chi cục Thuế khu vực B (Sau đây gọi tắt là “Chi cục Thuế”) phải bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho ông Lê Anh T số tiền 3.453.600.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), bao gồm các khoản sau:

1. Thu nhập cơ sở gia công: 20.000.000 đồng /tháng x 96 tháng - 18.400.000 đồng = 1.901.600.000 đồng (Một tỉ chín trăm lẻ một triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Thu nhập cá nhân: 12.000.000 đồng /tháng x 96 tháng = 1.152.000.000 đồng (Một tỉ một trăm năm mươi hai triệu đồng).

3. Khôi phục sản xuất: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

4. Chi phí thừa kiện (Chi phí đi lại, ăn ở, tàu xe, không có chi phí thuê mướn Luật sư): 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Theo ông Lê Anh T đoàn cưỡng chế đã thu giá vồng bằng gỗ và ghế dây bằng gỗ là tài sản của mẹ ông Lê Anh T (bà Lê Thị Đ, Mẹ Việt Nam A) là không đúng quy định của pháp luật. Từ ngày Chi cục Thuế khu vực B thực hiện hành vi cưỡng chế thuế thì Cơ sở kinh doanh của gia đình ông đã ngưng hoạt động 08 năm nay, gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia đình ông, từ lúc có thu nhập ổn định đã trở thành hộ nghèo. Các con của ông Lê Anh T không được học hành, không còn điều kiện phát triển. Đối với chi phí thừa kiện, do sự việc kéo dài, không lưu giữ được nên không cung cấp chứng từ được.

Trợ giúp viên pháp lý Nguyễn Trường D trình bày bổ sung:

Thống nhất quan điểm của nguyên đơn. Căn cứ Điều 598 Bộ luật Dân sự 2015, các Điều 22, 23, 24 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Luật sư Nguyễn Thành S trình bày bổ sung:

Thống nhất quan điểm của nguyên đơn và trợ giúp viên pháp lý anh Nguyễn Trường D. Do vụ việc kéo dài đã lâu, hóa đơn chứng từ về chi phí thừa kiện đúng ra phải có nhưng không còn lưu giữ được nên không cung cấp được chứng từ. Đối với chi phí luật sư, ông bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn hoàn toàn miễn phí.

Ông Trần H - người đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thuế khu vực B trình

bày: Trên cơ sở yêu cầu của ông Lê Anh T, Chi cục Thuế khu vực B - Tuy Phong có ý kiến như sau:

1. Về thu nhập cơ sở: Là doanh thu cơ sở khai đề cơ quan thuế tính để nộp hàng tháng, quá trình cưỡng chế căn cứ theo mức đó, Cơ quan thuế không đình chỉ kinh doanh, không yêu cầu ngừng kinh doanh, không có hành vi nào tác động đến hộ kinh doanh dẫn đến mất thu nhập.

2. Thu nhập cá nhân: Căn cứ doanh thu 20.000.000 đồng, theo Luật quản lý thuế quy định về tỉ lệ đối với thu nhập chịu thuế là 1.400.000 đồng, quá trình cưỡng chế cũng cưỡng chế số tiền nợ thuế chứ không đình chỉ, không niêm phong, không thu hồi giấy phép kinh doanh, do đây không phải là chức năng của cơ quan thuế. Do đó, không chấp nhận khoản này.

3. Về khôi phục hoạt động sản xuất: Chi cục Thuế khu vực B – T không niêm phong công cụ, không đình chỉ kinh doanh hay tác động gì hộ kinh doanh đến dẫn đến mất thu nhập hay ngừng kinh doanh, không đóng mã số thuế của ông Lê Anh T. Đối với trường hợp tự nghỉ kinh doanh thì phối hợp xác minh, nếu không kinh doanh thì tạm “khoanh” lại. Vì nếu không khoanh lại thì sẽ phát sinh thuế, người không kinh doanh mà vẫn phát sinh thuế thì họ vẫn tiếp tục đóng thì bất lợi. Do đó, Chi cục B khẳng định, không đóng mã số thuế mà chỉ khoanh lại đối với hộ không kinh doanh nên không chấp nhận khoản này.

4. Chi phí thừa kiện là do ông Lê Anh T tự đi kiện nên không chấp nhận.

Sau khi xác minh tài sản, ông Lê Anh T đã nhận số tiền 12.500.000 đồng. Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong không cưỡng chế tài sản của bà mẹ Việt Nam A, tại thời điểm cưỡng chế, bà mẹ Việt Nam Anh Hùng Lê Thị Đ đang ở tỉnh Bình Dương và có đăng ký thường trú tại đó nên lời trình bày của ông Lê Anh T là không đúng.

Nếu có bồi thường thì Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong chỉ đồng ý bồi thường số tiền là 23.427.000 đồng theo công văn số 3837 ngày 23/3/2017 của Bộ T3 và biên bản làm việc ngày 27/3/2017 giữa Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong với ông Lê Anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Văn L trình bày:

Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong ban hành Quyết định cưỡng chế số 1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên. Sau đó, Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong ban hành Quyết định số 663/QĐ-CCT ngày 29/04/2016 về việc hủy Quyết định cưỡng chế số 1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014. Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong không niêm phong máy móc, không đình chỉ hoạt động hoặc có hành vi khác ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh nên không thể bồi thường. Sau khi thỏa thuận trả lại tài sản kê biên thì ông Lê Anh T chấp nhận nhận giá trị tài sản hoàn lại là 12.500.000 đồng (Theo phiếu chi lập ngày 16/3/2016). Về thu nhập cá nhân thì đây là hộ khoán, toàn bộ là thu nhập của cơ sở là thu nhập cá nhân hết nên ông Lê Anh T yêu cầu bồi thường là không đúng quy định của pháp luật.

Về khôi phục sản xuất kinh doanh: Phải có sự tác động từ việc cưỡng chế dẫn đến máy móc hư, hộ kinh doanh bị hư hại. Việc khôi phục, phát triển hộ kinh doanh là quyền tự do của công dân, không thể yêu cầu bồi thường như yêu cầu của ông Lê Anh T. Về chi phí thừa kiện thì không có chứng từ nên đề nghị không xem xét.

Sau khi có đơn khiếu nại của ông Lê Anh T, Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong có mời ông Lê Anh T làm việc và ông Lê Anh T khẳng định không nhận lại tài sản chi thỏa thuận bồi thường số tiền 12.500.000 đồng. Ông Lê Anh T đã nhận đủ số tiền và không có khiếu nại hay ý kiến gì. Sau khi sự việc xảy ra, chúng tôi xác minh tài sản cưỡng chế là giá vòng là của ông S1 Vày Đường không phải của bà mẹ Việt Nam Anh H1 như ông Lê Anh T trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông anh Trần Văn Á trình bày:

Ông quản lý thuế đối với hộ kinh doanh tại xã P là vận động các hộ kinh doanh nộp thuế. Ông thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, ông không tham mưu ban hành Quyết định cưỡng chế số 1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên đối với cơ sở kinh doanh của ông Lê Anh T. Ông không có ý kiến về vấn đề mà đại diện bị đơn trình bày tại phiên tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã quyết định:

Căn cứ vào: - Khoản 6, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 584, Điều 585, Điều 598 Bộ luật Dân sự;

- Điều 7, khoản 3 Điều 8, Điều 17, Điều 22, Điều 24, điểm a, c khoản 2 Điều 28, khoản 1 Điều 53 và Điều 76 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

- Điều 2, Điều 10 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T về việc yêu cầu Chi cục thuế khu vực B - Tuy Phong phải bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho ông Lê Anh T số tiền 3.453.600.000 đồng (*Ba tỷ bốn trăm năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/3/2023, nguyên đơn ông Lê Anh T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo; nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn: Hủy bản án sơ thẩm với những lý do sau:

+ Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định quan hệ tranh chấp không đúng, vụ án được giải quyết với 02 số thụ lý khác nhau.

+ Bản án đã nhận định không khách quan về hành vi cưỡng chế và đóng mã số thuế của Chi cục Thuế khu vực B – T.

+ Có ý ghi nhận hỗ trợ của Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong trái pháp luật.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Văn L, ông Trần Văn A không có ý kiến gì đối với kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

1. Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Luật sư và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Đơn kháng cáo của ông Lê Anh T nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tuy ông Lê Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra nhưng xét về nội dung đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính là phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của ông Lê Anh T:

Năm 2001, ông Lê Anh T được cấp giấy phép và kinh doanh ổn định 03 ngành nghề là gia công mộc dân dụng, ăn uống giải khát và karaoke với mức thuế môn bài bậc 2 là 750.000 đồng/năm, thuế tháng là 210.000 đồng/tháng. Năm 2014, ông Lê Anh T nghỉ 02 nghề ăn uống giải khát và karaoke, chỉ còn nghề gia công mộc dân dụng. Ông Lê Anh T xin giảm thuế nhưng không được chấp nhận. Chi cục thuế huyện B buộc ông phải nộp mức thuế như cũ. Ngày 15/9/2014, Chi cục thuế huyện B quy ông nợ thuế là 1.722.000 đồng theo Thông báo tiền thuế nợ và tiền chậm nộp số: 201415892/TB07-CCT. Sau đó, Chi cục thuế huyện B ra Quyết định cưỡng chế số

1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên. Ông Lê Anh T đã khiếu nại Quyết định cưỡng chế số 1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014 và ngày 29/04/2016 Chi cục Thuế huyện B đã ban hành Quyết định số 663/QĐ-CCT về việc hủy Quyết định cưỡng chế số 1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định hành chính thuế bằng biện pháp kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên.

Ông Lê Anh T cho rằng đoàn cưỡng chế đã thu giá vồng bằng gỗ và ghế dây bằng gỗ không đúng quy định. Từ ngày Chi cục Thuế khu vực B thực hiện hành vi cưỡng chế thuế thì Cơ sở kinh doanh của gia đình ông đã ngưng hoạt động 08 năm nay, gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia đình ông, từ lúc có thu nhập ổn định đã trở thành hộ nghèo. Các con của ông Lê Anh T không được học hành, không còn điều kiện phát triển. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Chi cục Thuế khu vực B - Tuy Phong phải bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho ông với tổng số tiền 3.453.600.000 đồng, gồm các khoản sau:

1. Thu nhập cơ sở gia công: 20.000.000 đồng/tháng x 96 tháng - 18.400.000 đồng = 1.901.600.000 đồng (Một tỉ chín trăm lẻ một triệu sáu trăm nghìn đồng).
2. Thu nhập cá nhân: 12.000.000 đồng/tháng x 96 tháng = 1.152.000.000 đồng (Một tỉ một trăm năm mươi hai triệu đồng).
3. Khôi phục sản xuất: 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).
4. Chi phí thừa kiện (Chi phí đi lại, ăn ở, tàu xe, không có chi phí thuê mướn Luật sư): 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

[4] Đoàn cưỡng chế của Chi cục thuế khu vực B – Tuy Phong thực hiện Quyết định cưỡng chế số 1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014 vào ngày 29/01/2015, những tài sản cưỡng chế là giá vồng bằng gỗ và ghế dây nhằm mục đích thu khoản thuế mà ông Lê Anh T còn thiếu, không cưỡng chế, niêm phong các công cụ, máy móc liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh; không thu hồi giấy phép kinh doanh, không đình chỉ hoạt động kinh doanh cơ sở của ông T nên không ảnh hưởng đến việc sản xuất, kinh doanh của cơ sở ông T.

Ông T cho rằng, từ ngày Chi cục Thuế khu vực B thực hiện hành vi cưỡng chế thuế thì Cơ sở kinh doanh của gia đình ông đã ngưng hoạt động 08 năm nay, gây thiệt hại nghiêm trọng cho gia đình ông. Việc Cơ sở kinh doanh của gia đình ông T ngưng hoạt động là có thiệt hại cho gia đình ông nhưng thiệt hại này không bắt nguồn từ hành vi thực hiện cưỡng chế của Chi cục thuế khu vực B – Tuy Phong khi thực hiện Quyết định cưỡng chế số 1263/QĐ-CCT ngày 14/10/2014 vào ngày 29/01/2015. Do đó, không có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra nên chưa có căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường của Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong theo Điều 7 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Điều 584 Bộ luật dân sự, Điều 2 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[5] Đối với hành vi đóng mã số thuế của Chi cục thuế khu vực B – T đối với mã số thuế của Cơ sở kinh doanh của gia đình ông Lê Anh T. Đại diện Chi cục Thuế khu vực B - T xác định cơ quan thuế không đóng mã số thuế của Cơ sở kinh doanh gia đình ông T mà chỉ “khoanh” lại đối với hộ không kinh doanh. Điều này phù hợp với tình hình thực tế của Cơ sở kinh doanh gia đình ông T là ngừng hoạt động, nếu không đóng sẽ phát sinh thuế và gây thiệt hại cho gia đình ông T. Trường hợp không đồng ý, ông T có quyền yêu cầu mở lại mã số thuế khi cơ sở tiếp tục kinh doanh nhưng ông T không yêu cầu. Mặt khác, đây cũng không phải là nguyên nhân khiến cơ sở của ông T ngừng hoạt động, hành vi đóng (theo trình bày của cơ quan thuế là “khoanh”) mã số thuế đối với Cơ sở kinh doanh của gia đình ông T chưa có căn cứ xác định là hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây thiệt hại theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước nên không phát sinh trách nhiệm bồi thường của Chi cục thuế khu vực B – Tuy Phong theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[6] Theo yêu cầu của ông T thì Chi cục thuế khu vực B – T đã trả lại giá trị tài sản cường chế và chi phí vận chuyển, bồi thường thiệt hại do tài sản hư hỏng, tổng cộng là 12.500.000 đồng (theo phiếu chi ngày 16/3/2016) ông T đã nhận đủ tiền và không có ý kiến gì khác.

[7] Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình đã phân tích, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đối chiếu với những quy định của pháp luật, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Anh T là có căn cứ.

[8] Hồ sơ vụ án thụ lý sơ thẩm số 49/2020/TB-TLVA ngày 25/5/2020 nhưng thông báo thụ lý số 51/TB-TLVA ngày 25/5/2020; số hồ sơ thụ lý và số thông báo thụ lý có khác nhau nhưng cùng là một hồ sơ vụ án thụ lý số 49/2020/TB-TLVA ngày 25/5/2020, đây là thủ tục thụ lý của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án.

Ngày 25/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình ban hành Thông báo số 51/TB-TLVA để thông báo về việc Tòa án thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm “Trách nhiệm bồi thường của nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính” có số thụ lý hồ sơ là 49/2020/TB-TLVA ngày 25/5/2020. Ông Lê Anh T cho rằng vụ án được giải quyết với 02 số thụ lý khác nhau là không đúng.

[9] Đối với số tiền 23.427.000 đồng, Tòa án sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của Chi cục thuế khu vực B - T đồng ý hỗ trợ thu nhập cá nhân cho ông Lê Anh T là chưa chính xác, cần điều chỉnh cho phù hợp: Ghi nhận việc bồi thường của Chi cục thuế khu vực B đối với ông Lê Anh T số tiền 23.427.000 đồng, theo Công văn số 3837 ngày 23/3/2017 của Bộ T3 và Biên bản làm việc ngày 27/3/2017 giữa Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong với ông Lê Anh T.

[10] Ông Lê Anh T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật trách nhiệm bồi thường nhà nước thì ông Lê Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Anh T; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

Áp dụng:

- Khoản 6, Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 584, Điều 585, Điều 598 Bộ luật Dân sự;

- Điều 7, khoản 3 Điều 8, Điều 17, Điều 22, Điều 24, điểm a, c khoản 2 Điều 28, khoản 1 Điều 53 và Điều 76 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

- Điều 2, Điều 10 Nghị quyết 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Dân sự về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Anh T về việc yêu cầu Chi cục thuế khu vực B -Tuy Phong phải bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho ông Lê Anh T số tiền 3.453.600.000 đồng (*Ba tỷ bốn trăm năm mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng*).

2. Ghi nhận việc Chi cục thuế khu vực B - T bồi thường cho ông Lê Anh T số tiền 23.427.000 đồng, theo Công văn số 3837 ngày 23/3/2017 của Bộ T3 và Biên bản làm việc ngày 27/3/2017 giữa Chi cục Thuế khu vực B – Tuy Phong với ông Lê Anh T.

3. Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: ông Lê Anh T không phải chịu án phí.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện Bắc Bình;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Chi cục THADS huyện Bắc Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tò HCTP, TDS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Minh Tuấn